

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1993; số định danh cá nhân: 038193030396; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Đình Đ**, sinh năm 1992; số định danh cá nhân: 038092013322; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đình Đ qua tìm hiểu, tự nguyện lấy

nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 8 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống trong gia đình, nên hay xảy ra cãi vã nhau; vợ chồng có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến tháng 01/2025 thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Lê Thị H1, sinh ngày 02/8/2016. Quan điểm của chị H là hiện nay 02 con đều đang ở ổn định với anh Đ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh Đ yêu cầu chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Đình Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên cũng có những mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng có cãi nhau, nhưng không hề có mâu thuẫn gì lớn; việc mâu thuẫn chủ yếu là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu trong sinh hoạt gia đình. Nay chị H yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh Đ là không đồng ý ly hôn, vì anh muốn các con anh được sống có cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Lê Thị H1, sinh ngày 02/8/2016. Quan điểm của anh H là nếu Tòa án giải quyết ly hôn, thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh Đ xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại “Bản tự khai” do cháu Lê Đình T viết ngày 24/3/2025 gửi Tòa án, có thể hiện nguyện vọng là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với bố là Lê Đình Đ.

Tại “Bản tự khai” do cháu Lê Thị H1 viết ngày 24/3/2025 gửi Tòa án, có thể hiện quan điểm là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ là Lê Thị H.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 28/4/2025, đại diện UBND xã T cho biết:

Chị Lê Thị H và anh Lê Đình Đ có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào ngày 03/4/2013, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Lê Thị H1, sinh ngày 02/8/2016. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được, do gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; không có mặt đầy đủ các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Lê Đình Đ.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Lê Thị H1, sinh ngày 02/8/2016 cho anh Lê Đình Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Đình Đ, cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình Đ tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/4/2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, thời gian gần đây

tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong gia đình, nhưng vợ chồng không có sự tôn trọng và chia sẻ với nhau, nên đã thường xuyên xảy ra việc mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa vợ chồng nhưng không có kết quả, chị H vẫn một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; anh Đ thì có ý kiến là không đồng ý ly hôn, tuy nhiên cũng không thể hiện được thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Đình Đ.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình Đ có 02 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Lê Thị H1, sinh ngày 02/8/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, con chung là cháu T có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố (anh Đ), con chung là cháu H1 có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H). Tuy nhiên, xét anh Đ có thể hiện nguyện vọng là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị H cũng có ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý để anh Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, còn chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; ngoài ra thực tế hiện nay cả hai con chung đều đang ở ổn định với anh Đ. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cho anh Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu T và cháu H1; Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình Đ đều có ý kiến không yêu cầu giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Đình Đ.

2. *Về con chung*: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình Đ có 02 (hai) con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Lê Thị H1, sinh ngày 02/8/2016.

Giao con chung là cháu Lê Đình T và cháu Lê Thị H1 cho anh Lê Đình Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006237 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến